

### Phẩm 13: TẬP ĐỊNH

Tam muội v.v... chung cho tất cả ấm, nhập, trí giải thoát thiền.

Ba tam muội là tam muội Không, tam muội Vô nguyện, và tam muội Vô tướng. Vì buộc tâm nơi duyên vô lậu, nên gọi là tam muội. Nhất tâm quán năm thọ ấm là không, vô thường, phi ngã, đó là tam muội Không. Nhập tam muội này, không mong muốn đắm dục, phần nộ, ngu si còn có sinh ra, đó là tam muội Vô nguyện. Tam muội này duyên pháp lìa mười tướng.

Thế nào là mười tướng? Là năm trần như sắc, v.v..., nam, nữ, sinh, già, vô thường, đó gọi là tam muội Vô tướng.

Hai hành của tam muội Không là hành không và hành vô ngã.

Tam muội Vô nguyện có mười hành: Hành vô thường, khổ, cũng là hành tập, đạo.

Tam muội Vô tướng cùng đủ bốn hành, bốn đẳng (bốn vô lượng) là từ, bi, hỷ, hộ (xả). Tự mình được sự vui sướng, nhớ nghĩ đem cho tất cả chúng sinh, đó là có ba thứ tâm. Trước hết là bà con, thân thuộc. Kế là người trong nhà, sau là các kẻ thù. Nhất tâm tư duy về tất cả thân của chúng sinh trong ba cõi và kẻ thù đều bình đẳng, không khác nhau, trừ sự giận dữ bên trong, là thọ, tướng, hành, thức tương ứng với từ, v.v... Có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là các hành không tương ứng. Đó là từ đẳng (từ vô lượng). Nhất tâm tư duy về thân tâm của chúng sinh trong ba cõi, đã gieo trồng sự cay đắng, mong muốn được cứu giúp. Tư duy như vậy, có thể tiêu trừ khổ não bên ngoài, là thọ, tướng, hành, thức tương ứng với bi, v.v... Có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là các hành không tương ứng. Đó gọi là bi đẳng (bi vô lượng). Nhất tâm tư duy chúng sinh trong ba cõi hoan hỷ được vui, có thể dứt trừ lo khổ, là thọ, tướng, hành, thức tương ứng với hỷ, v.v... Có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là hành không tương ứng. Đó gọi là hỷ đẳng (hỷ vô lượng). Nhất tâm tư duy về vui, khổ, hỷ, phóng, xả của chúng sinh trong ba cõi, có thể dứt trừ dục, sân. Xả đẳng tương ứng với thọ, tướng, hành, thức, có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là hành không tương ứng. Đó là xả đẳng (xả vô lượng).

Sáu thông là thần túc; thiên nhãn, thiên nhĩ, thức túc mạng, trí tha tâm và lậu tận thông, trừ thông thứ sáu (lậu tận), các thứ kia thì phàm phu cũng đạt được.

Thế nào là thần túc thông? Thần túc thông này có ba thứ:

1. Bay đi.

2. Biến hóa.

3. Thần thông của bậc Thánh. Có ba thứ bay đi:

1. Tự thân bay đi, ví như chim bay.

2. Ở cõi này, bỗng nhiên biến mất và hiện đến cõi khác.

3. Sức của tâm tự tại, như co duỗi cánh tay, đó gọi là thần thông của Chư Phật, không phải là của các đạo khác.

Thường quán thân là không, học cất mình lên một cách nhẹ nhàng, là đạo thú đến thần thông, có thể biến hóa thành lớn, nhỏ, có thể hóa nhiều thành ít, hóa ít ra nhiều, có thể chuyển biến thành các thứ vật dụng, đó gọi là thần thông biến hóa.

Phàm phu biến hóa đến bảy ngày, quá bảy ngày thì diệt. Phật và đệ tử biến hóa tự tại. Lúc biến hóa, quán thế gian tịnh thành bất tịnh, bất tịnh thành tịnh, trừ niệm tịnh, bất tịnh, tâm, niệm, xả. Đó gọi là thần thông của bậc Thánh.

Ba thứ thông này sinh từ diệu lực của bốn thần túc. Tất cả duyên theo sắc, dần dần được cất mình lên hư không một cách nhẹ nhàng. Chư Phật trong một lúc được thiên nhãn thông, từ mắt của mình, bốn đại tạo cõi Sắc tịnh, sinh khởi được thiên nhãn, nhìn thấu suốt cả gần, xa, trên, dưới. Thấy tất cả sắc rất vi tế, ghi nhớ mặt trời, mặt trăng, các vì sao, lửa, ngọc sáng là con đường đạt được thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông. Từ tai mình, bốn đại tạo cõi Sắc thanh tịnh, sinh khởi được thiên nhĩ, nhớ nghĩ, nhận biết các thứ tiếng nói của cõi trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Là con đường hưởng đến thiên nhĩ thông.

Thức túc mạng thông, nhớ nghĩ các việc đời trước và nơi mình sinh ở đâu. Đó là con đường hưởng đến túc mạng thông.

Thần thông nhận biết được tâm địa của người, tức đều biết rõ tâm thanh tịnh và tâm nhiễm ô của người. Tự tâm sinh, diệt, có thể phân biệt nhận biết, là con đường hưởng đến tri tha tâm thông.

Tất cả lậu của ba cõi, ta đều dứt hết. Như vậy nhớ nghĩ, nhận biết được năm thọ ấm là vô thường, v.v..., là con đường đạt được lậu tận thông. Túc mạng thông và thiên nhãn thông hoàn toàn là mình. Túc mạng thông nhận biết nhân duyên thứ lớp của thế gian, đó là mình.

Thiên nhãn thông nhận biết nhân duyên như hành nghiệp được quả báo, đó là mình.

Lậu tận thông là lậu của cõi Dục, Sắc, Vô sắc đã hết, “Ta đã dứt hết các lậu”, đó là mình.

Mười Nhất thiết nhập, ghi nhớ tất cả địa, không nhớ nghĩ gì khác, đó là nhất thiết nhập của địa, cho đến nhất thiết nhập của thức cũng

như vậy.

Tám giải thoát: Trong có tướng sắc, ngoài quán sắc, trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc, tịnh giải thoát tác chứng bốn định Vô Sắc, định Diệt tận, đó là tám giải thoát.

Duyên quán chuyển tâm được giải thoát, đó là giải thoát. Quán sắc bên trong bất tịnh và quán sắc bên ngoài, đó là giải thoát ban đầu. Không quán sắc bên trong, quán sắc bên ngoài bất tịnh, là giải thoát thứ hai. Phân biệt quán sắc trong, ngoài, tất cả sắc tịnh là giải thoát thứ ba.

Bốn định Vô Sắc, bốn giải thoát, giải thoát diệt tận.

Trong có tướng sắc, ngoài quán một ít sắc xấu, tốt, là duyên tri kiến thù thắng, là trừ nhập (thắng xứ) thứ nhất. Bên trong có tướng sắc, bên ngoài quán vô lượng sắc tốt, xấu, là duyên tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ hai. Trong không có tướng sắc, ngoài quán một ít sắc tốt, xấu, là duyên tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ ba. Bên trong không có tướng về sắc, ngoài quán vô lượng sắc tốt, xấu, là duyên tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ tư. Trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc màu xanh, là duyên tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ năm. Các màu vàng, đỏ, trắng, cũng giống như vậy.

Bên trong không loại trừ tướng về sắc, bên ngoài quán một ít sắc tịnh là:

1. Duyên vô lượng.
2. Bên trong trừ tướng sắc, bên ngoài quán một ít sắc tịnh.
3. Duyên vô lượng.
4. Nhớ nghĩ đến các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, khác.

Vì duyên thù thắng của bốn thứ trừ nhập tịnh, nên nói là trừ nhập.

Sắc đẹp hình dáng trang nghiêm, vì trừ bỏ cấu uế, nên giải thoát, đó là trừ nhập, gọi riêng là ba giải thoát, bốn trừ nhập.

Tám nhất thiết nhập (biến xứ) thuộc về giải thoát tịnh. Mười trí như trước đã nói. Ba đẳng tâm là từ, bi, xả và năm thông trong bốn thiền căn bản có.

Trong sáu địa: Pháp trí, thiền vị đáo, thiền trung gian, bốn thiền căn bản, hỷ v.v... là giải thoát thứ nhất, giải thoát thứ hai, bốn trừ nhập ban đầu, trong Sơ thiền, hai thiền có. Các trừ nhập còn lại, giải thoát tịnh, tám Nhất thiết nhập (tám biến xứ) có trong đệ Tứ thiền. Các giải thoát còn lại hai nhất thiết nhập thuộc về tên của mình.

Giải thoát diệt tận thuộc về Hữu đẳng. Ba tam muội, bảy trí lậu

tận thông thuộc về chín địa, trừ đẳng trí trong Hữu đẳng.

Trong mười địa có ba giải thoát của cõi Vô Sắc, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, ba giải thoát khác, tám trừ nhập, mười nhất thiết nhập là hữu lậu, tất cả hữu lậu trong Hữu đẳng, do chậm lụt, không nhanh nhẹn, cho nên là hữu lậu. Vì định Diệt tận không có trí tuệ, cho nên hữu lậu. Trong năm thông, thường là tâm vô ký. Bốn đẳng tâm (bốn tâm vô lượng) vì duyên theo chúng sinh, nên là hữu lậu. Ái dục chưa hết, kiết sử của ba cõi đã thành. Ái dục đã hết, kiết sử của cõi Sắc, Vô Sắc thành tựu. Ái cõi Sắc hết, kiết sử của cõi Vô Sắc thành tựu. Ái của cõi Vô Sắc hết, kiết sử của ba cõi không thành. Ái cõi Dục hết, vô lậu tịnh ở Sơ thiên thành tựu, như vậy, vô lậu của bậc Thánh trong tất cả địa đều thành tựu. Bậc Thánh sinh ở địa trên hay địa dưới đều thành tựu vô lậu, cầu được năm thông, bốn đẳng tâm, sự cấu uế của kiết ở địa dưới không thành tựu.

Đạo thế tục dựa vào địa thiên vị đáo, lia dục của địa dưới. Như vậy, đạo vô lậu của tất cả địa đều dựa vào địa thiên căn bản. Địa mình cũng lia dục địa trên. Vì tất cả địa đều như vậy, nên phàm phu trong Hữu đẳng không thể lia dục. Các pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn, pháp thế gian đệ nhất đều lia dục. Người tu thiên định hữu lậu trong hai thời gian hiện tại, vị lai, khổ, tập, tận trong đạo kiến đế, tu trí vô lậu hiện ở trước trong trí vị tri.

Vị lai có hai thứ: trí hữu lậu, và trí vô lậu. Vô lậu của vị lai, vô lậu hiện ở trước trong những tâm khác.

Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn lia ái dục, dựa vào địa của thiên vị đáo, ở hiện tại tu đạo hữu lậu, ở vị lai tu đạo hữu lậu, vô lậu. Đạo giải thoát thứ chín tu đạo hữu lậu trong hiện tại, tu hữu lậu, vô lậu ở vị lai và Sơ thiên tu thiên vị đáo vô lậu. Nếu dựa vào thiên vị đáo để tu đạo vô lậu trong hiện tại, thì ở vị lai sẽ tu đạo hữu lậu, vô lậu. Nếu tu đạo vô lậu ở hiện tại trong đạo giải thoát thứ chín, thì sẽ tu đạo hữu lậu, vô lậu ở vị lai.

Về Sơ thiên, nếu đệ tử Đức Thế Tôn nếu đã lia ái dục của Sơ thiên, dựa vào địa của Nhị thiên vị đáo hiện ở trước tu đạo vô lậu, vị lai tu đạo hữu lậu vô lậu. Trong đạo giải thoát thứ chín, tu đạo hữu lậu ở hiện tại, tu ba thứ vô lậu ở vị lai.

Sơ thiên và tu tịnh vô lậu ở đệ Nhị thiên, nếu lia ái của Sơ thiên, dựa vào đạo vô lậu, hướng đến Nhị thiên, tu vô lậu ở địa mình, tu đạo hữu lậu, vô lậu ở địa khác.

Trong đạo giải thoát thứ chín, tu đạo vô lậu ở hiện tại, vị lai tu ba

thứ vô lậu. Sơ thiền và vô lậu tịnh ở Nhị thiền, cho đến Bất dụng xứ là dục cũng giống như vậy.

Lúc là dục trong Hữu đẳng, tu tất cả thiền định vô lậu, hiện tại tu đạo vô lậu trong đạo giải thoát thứ chín, tu vô lậu ở vị lai và tu hai mươi ba thứ định của căn thiện thuộc ba cõi.

Có vị tám, tịnh tám, vô lậu bảy, tất cả vô lậu bảy địa là nhân tự nhiên vô lậu, vô lậu của địa mình, vô lậu của địa mình có ba thứ nhân: nhân tương ứng, nhân cộng hữu và nhân tự nhiên. Vị định của đệ nhất hữu, là nhân của vị định nơi đệ nhất hữu không phải nhân khác. Định tịnh thứ nhất nhân của định tịnh thứ nhất, không phải là nhân khác. Định vô lậu thứ nhất thứ lớp khởi sáu thứ định: Thiền thứ nhất có hai thứ: tịnh, vô lậu. Vô lậu của đệ nhị, đệ Tam thiền cũng như vậy. Vô lậu ở đệ Nhị thiền thứ lớp sinh tám địa: Địa mình có hai thứ, địa trên có bốn thứ, địa dưới có hai thứ. Đệ Tam thiền vô lậu, đệ Tứ thiền, định không xứ thứ lớp sinh mười địa: Trên, bốn địa dưới, bốn thứ và địa mình hai thứ. Thức xứ vô lậu theo thứ lớp sinh chín địa: Địa trên ba thứ, địa dưới bốn thứ, địa mình hai thứ. Định Bất dụng xứ vô lậu thứ lớp sinh bảy địa, địa trên một thứ, địa dưới bốn thứ, địa mình hai thứ.

Định Vô Sắc thứ tư thứ lớp sinh sáu địa: Địa dưới bốn thứ, tự địa hai thứ, thiền tịnh cũng như thế. Hữu vị thứ lớp sinh hai thứ. Hữu vị của tự địa cũng lại tịnh.

Như vậy, các thiền định tịnh, vô lậu của tất cả địa, tất cả duyên, tất cả pháp duyên theo tự địa hữu vị. Hữu vị của tự địa duyên cũng lại tịnh. Duyên theo hữu vị không thể duyên các tịnh vô lậu. Định Vô Sắc vô lậu không duyên địa hữu lậu. Định Vô Sắc hữu vị duyên theo hữu vị của tự địa, duyên tịnh không thể duyên theo vô lậu.

Bốn đẳng, tám trừ nhập, ba giải thoát, tám nhất thiết nhập, tất cả các pháp này đều duyên theo cõi Dục. Năm thông duyên theo cõi Dục, cõi Sắc. Tất cả thiền huân, thiền vô lậu, huân tập thiền hữu lậu được người của Tứ thiền, trước huân tu đệ Tứ thiền, sau huân tu ba thiền dưới, được quả báo của năm Tịnh cư.

A-la-hán Bất động pháp được tất cả thiền định, có thể được Đảnh thiền, có thể trụ thọ, cũng có thể xả thọ. Nguyên trí từ tâm nguyện mong, biết tường tận các pháp quá khứ, vị lai và hiện tại, thường là biết pháp vị lai.

Bốn biện tài: pháp biện, từ biện, ứng biện và nghĩa biện, khiến tâm người khác không nổi cơn giận. Đây là vô tránh thuộc về Tứ thiền, cũng lại là nguyện trí của đệ Tứ thiền thuộc cõi Dục, cũng lại là pháp

biện, từ biện của cõi Dục thuộc cõi Dục và hai biện tài khác trong Phạm thiên thuộc về chín địa.

Bốn thiên của cõi Dục, thiên tịnh của bốn Vô Sắc có hai thời: lúc được lìa dục và lúc phát sinh được thiên. Thiên được hữu vi có hai thời: lúc bị thoái chuyển và lúc được sinh. Được vô lậu thiên đạt có hai thứ được: Được hoặc lúc thoái chuyển, và khi lìa dục được, đều thuộc chín địa. Vô lậu có thể dứt trừ kiết sử.

Sự biến hóa có mười bốn tâm: Mười tâm cõi Sắc, bốn tâm của cõi Dục. Sơ thiên có hai tâm biến hóa: Sơ thiên có một, cõi Dục có một. Nhị thiên có ba tâm biến hóa: Nhị thiên có một, Sơ thiên có một, cõi Dục có một. Tam thiên có bốn tâm biến hóa, Tam thiên có một, Nhị thiên có một, Sơ thiên có một, cõi Dục có một. Tứ thiên có năm tâm biến hóa: Tứ thiên có một, Tam thiên có một, Nhị thiên có một, Sơ thiên có một, cõi Dục có một.

Những thiên nào thành tựu quả này? Tâm biến hóa của địa dưới thành tựu trụ địa của Tam thiên. Thức của Phạm thiên hiện ở , năng có thể thấy nghe bấy giờ thành tựu, liền diệt, bấy giờ không thành tựu.

-----